TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **01**/2021/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 04 tháng 01 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 270/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Ông **Lê Lâm H**, Sinh năm 1989. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Nơi ĐKHKTT và chổ ở: tổ 30 phường N, quận S, TP Đà Nẵng và bà **Nguyễn Thị T**.Sinh năm: 1992. Nghề nghiệp: Buôn bán. Nơi ĐKHKTT: tổ 30 phường N, quận S, TP Đà Nẵng. Chổ ở hiện nay : Số 09 N 16 thuộc tổ 103 phường N, quận S, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn

nhân không hạnh phúc. Nay ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T xác định về tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T xác định có xác định có 01 con chung là Lê Nguyên Thảo V, sinh ngày 12/4/2013. Ly hôn ông H, bà T thống nhất tự nguyện thỏa thuận giao con chung là Lê Nguyên Thảo V, sinh ngày 12/4/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi . Ông Lê Lâm H cấp dưỡng nuôi con chung cho bà T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng y)kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0006470 ngày 14/12/2020.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông H, bà T nên Giấy chứng nhận kết hôn số 153/2012, quyển số 1/2012 do Ủy ban nhân dân phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cấp ngày 31/10/2012 không còn giá trị pháp lý).*

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T về việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung là Lê Nguyên Thảo V, sinh ngày 12/4/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi . Ông Lê Lâm H cấp dưỡng nuôi con chung cho bà T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng y)kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T xác định không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T xác định không có nợ chung.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Lê Lâm H và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0006470 ngày 14/12/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đông;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Hồ Thị Mỹ Dung